

Số: 928/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân lớp tiếng Anh tăng cường đối với sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao (tiếng Anh bán phần) Khóa 11 dựa vào chứng chỉ tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản cuộc họp số 1596/BB-ĐHNH ngày 14/11/2023 về việc xét duyệt kết quả kiểm tra tiếng Anh, Tin học đầu khóa hệ ĐHCQ chuẩn, ĐHCQ CTĐT Chất lượng cao (tiếng Anh bán phần), ĐHCQ CTĐT Quốc tế song bằng năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Thông báo số: /TB-ĐHNH, ngày /04/2024;

Xét theo đề nghị của Trưởng Phòng quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân lớp tiếng Anh tăng cường đối với 251 sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao (TABP) Khóa 11 dựa vào chứng chỉ tiếng Anh.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL, P. TCKT;
- P. TVTS&PTTH: đăng tin;
- Lưu VP, Ban CLC.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hạ Thị Thiệu Dao

DANH SÁCH PHÂN LỚP TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO (TABP) KHÓA 11 DỰA VÀO CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH SINH VIÊN NỘP



(Ban hành kèm theo Quyết định: 928 /QĐ-ĐHNH, ngày 12 / 9 /2023 của Hiệu trưởng)

STT	MÃ SỐ SV *	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú	
					HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)		
I. Sinh viên được miễn cấp độ 1; cấp độ 2, phải học từ cấp độ 3 đến cấp độ 7										
1	050611230020	Trần Thị Thúy	An	30/07/2005	HQ11-BAF12				X	
2	050611230113	Nguyễn Gia	Bảo	24/02/2005	HQ11-BAF20	X				
3	050611230116	Trần Gia	Bảo	25/04/2005	HQ11-MAG03			X		
4	050611230189	Võ Phát	Đạt	09/12/2005	HQ11-BAF17	X				
5	050611230192	Nguyễn Ngọc	Diễm	9/4/2005	HQ11-ACC04	X				
6	050611230294	Lê Trần Gia	Hân	7/4/2005	HQ11-BAF04	X				
7	050611230319	Vũ Thị Ngọc	Hân	18/08/2005	HQ11-BAF13	X				
8	050611230388	Bùi Vĩnh	Hưng	01/01/2005	HQ11-BAF12			X		
9	050611230406	Mai Thị Thùy	Hương	25/05/2005	HQ11-BAF08	X				
10	050611230439	Trương Quang	Huy	2/7/2005	HQ11-MAG02	X				
11	050611230498	Lương Gia	Khiêm	3/10/2005	HQ11-BAF17	X				
12	050611230522	Trần Như	Kim	9/4/2005	HQ11-BAF16	X				
13	050611230619	Nguyễn Thị Kim	Ly	21/09/2005	HQ11-MAG05	X				
14	050611230690	Đặng Thị Phước	Mỹ	23/08/2005	HQ11-MAG04	X				
15	050611230752	Thái Hồng	Ngân	12/11/2005	HQ11-BAF03	X				
16	050611230748	Phạm Thị Hiếu	Ngân	04/06/2003	HQ11-ACC02	X				
17	050611230821	Đặng Thị Phương	Nguyên	10/10/2005	HQ11-BAF12	X				
18	050611230830	Nguyễn Thị	Nguyên	20/11/2005	HQ11-MAG03	X				
19	050611230844	Phạm Mỹ	Nhàn	24/10/2005	HQ11-BAF03	X				

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
20	050611230923	Lê Thị Quỳnh	Như	12/2/2005	HQ11-BAF18	X				
21	050611230946	Trần Quỳnh	Như	23/06/2005	HQ11-BAF11	X				
22	050611230919	Huỳnh Tổ	Như	4/6/2005	HQ11-MAG07	X				
23	050611230911	Bùi Ngọc Yến	Như	30/07/2005	HQ11-MAG05	X				
24	050611230970	Lâm	Phát	24/04/2005	HQ11-BAF21	X				
25	050611230978	Trần Tấn	Phát	18/09/2005	HQ11-BAF21	X				
26	050611230969	Huỳnh Tấn	Phát	21/06/2005	HQ11-BAF15	X				
27	050611231080	Trần Thị Anh	Quỳnh	2/5/2005	HQ11-BAF03	X				
28	050611231225	Nguyễn Thị Minh	Thư	12/11/2005	HQ11-BAF14	X				
29	050611231224	Nguyễn Thị Minh	Thư	1/1/2005	HQ11-MAG06	X				
30	050611231328	Trương Thị Ngọc	Trâm	03/01/2005	HQ11-BAF17	X				
31	050611231362	Nguyễn Trịnh Bảo	Trân	31/01/2005	HQ11-BAF14	X				
32	050611231428	Nguyễn Phương	Trình	12/04/2005	HQ11-BAF18	X				
33	050611231498	Đỗ Thanh	Uyên	8/3/2005	HQ11-ACC05	X				
34	050611231550	Quách Bảo	Việt	28/05/2005	HQ11-BAF21	X				
35	050611231562	Đặng Nguyễn Thuý	Vy	15/06/2005	HQ11-BAF20	X				
36	050611231575	Ngô Nguyễn Tường	Vy	26/09/2005	HQ11-ACC03	X				

II. Sinh viên được miễn cấp độ 1; cấp độ 2; cấp độ 3, phải học từ cấp độ 4 đến cấp độ 7

37	050611230067	Nguyễn Quỳnh	Anh	01/02/2005	HQ11-MAG06		X			
38	050611230149	Nguyễn Lương Quỳnh	Châu	03/03/2005	HQ11-BAF20		X			
39	050611230314	Trần Phan Gia	Hân	05/11/2005	HQ11-BAF06		X			
40	050611230540	Vũ Huỳnh Pha	Lê	14/11/2005	HQ11-ACC04		X			
41	050611230589	Trần Lâm Ngọc	Linh	28/01/2005	HQ11-BAF18		X			
42	050611230605	Hoàng Bảo	Long	22/12/2005	HQ11-MAG01		X			
43	050611230627	Lê Thanh Xuân	Mai	01/01/2005	HQ11-BAF16		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
44	050611230776	Đầu Xuân Khánh	Ngọc	08/01/2005	HQ11-MAG01	X				
45	050611230884	Nguyễn Thảo Uyên	Nhi	07/07/2005	HQ11-ACC05		X			
46	050611231023	Võ Thị Duy	Phương	18/06/2005	HQ11-ACC05		X			
47	050611231042	Đào Hoàng	Quyên	17/09/2004	HQ11-BAF18		X			
48	050611231176	Nguyễn Đương	Thiện	23/05/2005	HQ11-BAF18		X			
49	050611231216	Nguyễn Hà Anh	Thư	25/01/2005	HQ11-BAF20		X			
50	050611231210	Nguyễn Anh	Thư	17/06/2005	HQ11-BAF11		X			
51	050611231371	Trần Lê Yên	Trân	28/01/2005	HQ11-BAF15		X			
52	050611231394	Nguyễn Thảo	Trang	24/02/2005	HQ11-BAF08		X			
53	050611231377	Đặng Thanh	Trang	23/08/2005	HQ11-ACC01		X			
54	050611231424	Lương Hoàng	Trình	10/03/2005	HQ11-BAF17		X			
55	050611231436	Đặng Lê Thanh	Trúc	19/10/2005	HQ11-MAG01		X			
56	050611231586	Nguyễn Thảo	Vy	03/03/2005	HQ11-MAG05		X			
57	050611231632	Đặng Thị Hải	Yến	14/01/2005	HQ11-BAF16		X			

III. Sinh viên được miễn cấp độ 1; cấp độ 2; cấp độ 3, cấp độ 4 phải học từ cấp độ 5 đến cấp độ 7

58	050611230011	Nguyễn Ngọc Thùy	An	24/08/2005	HQ11-BAF14		X			
59	050611230003	Chu Thị Thúy	An	22/09/2005	HQ11-BAF15		X			
60	050611230019	Trần Nguyễn Thúy	An	31/05/2005	HQ11-MAG07		X			
61	050611230026	Trần Phan Thiên	Ân	13/11/2005	HQ11-BAF02		X			
62	050611230054	Nguyễn Diệu	Anh	28/08/2005	HQ11-BAF11		X			
63	050611230056	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	22/09/2005	HQ11-BAF05		X			
64	050611230057	Nguyễn Lan	Anh	10/04/2005	HQ11-BAF19		X			
65	050611230068	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/2005	HQ11-ACC04		X			
66	050611230041	Hoàng Ngọc Minh	Anh	01/08/2005	HQ11-BAF07		X			
67	050611230064	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	01/10/2005	HQ11-BAF19		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
68	050611230048	Lê Phương	Anh	26/07/2005	HQ11-MAG01		X			
69	050611230055	Nguyễn Dương Hoàng	Anh	06/04/2005	HQ11-BAF08		X			
70	050611230071	Nguyễn Việt	Anh	03/04/2005	HQ11-BAF10		X			
71	050611230074	Phan Đỗ Hoàng	Anh	23/09/2005	HQ11-MAG07		X			
72	050611230092	Bùi Thị Ngọc	Ánh	15/01/2005	HQ11-BAF07		X			
73	050611230101	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	15/10/2005	HQ11-MAG05		X			
74	050611230096	Ngô Thị Ngọc	Ánh	05/02/2005	HQ11-BAF06		X			
75	050611230114	Nguyễn Thái	Bảo	16/01/2005	HQ11-MAG03		X			
76	050611230120	Hà Ngọc	Bích	10/06/2005	HQ11-MAG06		X			
77	050611230125	Hoàng Khánh	Bình	03/02/2005	HQ11-ACC02		X			
78	050611230126	Lê	Bình	17/05/2005	HQ11-BAF16		X			
79	050611230157	Võ Nguyễn Minh	Châu	01/06/2005	HQ11-BAF09		X			
80	050611230159	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	12/11/2005	HQ11-BAF16		X			
81	050611230164	Trần Như Mỹ	Chuyên	01/12/2005	HQ11-BAF04		X			
82	050611230172	Lê Tâm	Đan	02/04/2005	HQ11-BAF05		X			
83	050611230175	Tổng Hải	Đăng	13/11/2005	HQ11-MAG02		X			
84	050611230179	Dương Hồng	Danh	14/02/2005	HQ11-BAF16		X			
85	050611230212	Trần Minh	Đức	05/10/2005	HQ11-BAF02		X			
86	050611230209	Dương Phan Duy	Đức	03/02/2005	HQ11-BAF08		X			
87	050611230215	Nguyễn Lữ Hoài	Dung	01/01/2005	HQ11-BAF04		X			
88	050611230231	Nguyễn Thọ Hoàng	Duy	17/03/2005	HQ11-ACC01		X			
89	050611230226	Cao Vũ	Duy	17/08/2005	HQ11-BAF18		X			
90	050611230236	Cao Nguyễn Kiều	Duyên	02/05/2005	HQ11-BAF13		X			
91	050611230242	Ngô Đình Mỹ	Duyên	04/04/2005	HQ11-MAG01		X			
92	050611230243	Nguyễn Hạnh	Duyên	08/06/2005	HQ11-ACC02		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
93	050611230251	Phan Dương Mỹ	Duyên	21/12/2005	HQ11-BAF19		X			
94	050611230260	Trần Lam	Giang	25/09/2005	HQ11-MAG03		X			
95	050611230262	Trần Trường	Giang	08/08/2005	HQ11-BAF06		X			
96	050611230259	Thiêu Hương	Giang	28/08/2005	HQ11-BAF02		X			
97	050611230261	Trần Nhật	Giang	03/04/2005	HQ11-BAF03		X			
98	050611230287	Đặng Hứa Khải	Hân	31/07/2005	HQ11-BAF05		X			
99	050611230293	Lê Ngọc	Hân	16/04/2005	HQ11-MAG04		X			
100	050611230305	Phan Gia	Hân	03/07/2005	HQ11-MAG04		X			
101	050611230290	Huỳnh Lê Tú	Hân	07/08/2005	HQ11-BAF04		X			
102	050611230299	Nguyễn Ngọc	Hân	14/04/2005	HQ11-BAF12		X			
103	050611230318	Vũ Hoàng Bảo	Hân	12/10/2005	HQ11-BAF02		X			
104	050611230308	Tổng Khánh	Hân	03/04/2005	HQ11-BAF03		X			
105	050611230326	Hà Phạm Minh	Hằng	12/07/2005	HQ11-BAF18		X			
106	050611230324	Đinh Hà Nguyệt	Hằng	23/04/2005	HQ11-BAF20		X			
107	050611230335	Đỗ Hồng	Hạnh	31/07/2005	HQ11-BAF11		X			
108	050611230342	Phan Minh	Hạnh	14/03/2005	HQ11-ACC05		X			
109	050611230356	Đỗ Minh	Hiền	13/06/2005	HQ11-BAF02		X			
110	050611230364	Lê Đức Minh	Hiếu	29/03/2005	HQ11-MAG07		X			
111	050611230375	Lâm Kim	Hoàng	06/12/2005	HQ11-BAF03		X			
112	050611230380	Trần Minh	Hoàng	29/01/2005	HQ11-BAF14		X			
113	050611230384	Trịnh Nguyễn Kim	Huệ	21/06/2005	HQ11-BAF12		X			
114	050611230386	Nguyễn Hữu	Hùng	13/04/2005	HQ11-BAF19		X			
115	050611230396	Trần Quốc	Hưng	18/09/2005	HQ11-BAF20		X			
116	050611230414	Nguyễn Thị Thu	Hương	21/05/2005	HQ11-BAF21		X			
117	050611230429	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	13/01/2005	HQ11-BAF07		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
118	050611230458	Trịnh Thị Mỹ	Huyền	18/04/2005	HQ11-BAF01		X			
119	050611230472	Phan Quang	Khải	01/06/2005	HQ11-ACC05		X			
120	050611230474	Hồ Trần Vĩnh	Khang	27/06/2005	HQ11-MAG01		X			
121	050611230477	Nguyễn Quang	Khang	18/05/2005	HQ11-BAF09		X			
122	050611230482	Nguyễn Lê	Khanh	22/01/2005	HQ11-BAF04		X			
123	050611230490	Đào Lê Uyên	Khánh	31/07/2005	HQ11-BAF13		X			
124	050611230491	Nguyễn Bá	Khánh	02/07/2005	HQ11-MAG01		X			
125	050611230503	Nguyễn Thị Hồng	Khoa	24/06/2005	HQ11-BAF10		X			
126	050611230507	Phan Minh	Khoa	15/10/2005	HQ11-BAF15		X			
127	050611230506	Phạm Tấn	Khoa	15/12/2005	HQ11-BAF07		X			
128	050611230510	Đoàn Ngọc Minh	Khôi	22/11/2005	HQ11-BAF04		X			
129	050611230517	Phạm Đăng	Kiên	06/01/2005	HQ11-BAF01		X			
130	050611230536	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	11/04/2005	HQ11-MAG01		X			
131	050611230537	Nguyễn Trần Yến	Lan	28/10/2005	HQ11-MAG03		X			
132	050611230558	Huỳnh Tú	Linh	10/03/2005	HQ11-BAF03		X			
133	050611230577	Nguyễn Thị Khánh	Linh	03/02/2005	HQ11-BAF10		X			
134	050611230581	Nguyễn Trần Hoàng	Linh	23/03/2005	HQ11-MAG05		X			
135	050611230576	Nguyễn Phương	Linh	18/12/2005	HQ11-BAF05		X			
136	050611230592	Trần Phương	Linh	15/06/2005	HQ11-BAF07		X			
137	050611230603	Nguyễn Phú	Lộc	11/09/2005	HQ11-BAF07		X			
138	050611230611	Trần Nguyễn Ngọc	Long	08/08/2005	HQ11-BAF10		X			
139	050611230610	Tạ Hoàng	Long	21/05/2005	HQ11-BAF21		X			
140	050611230617	Lê Thảo	Ly	06/09/2005	HQ11-BAF02		X			
141	050611230634	Trương Thị Ngọc	Mai	02/08/2005	HQ11-BAF15		X			
142	050611230626	Lê Ngọc	Mai	18/11/2005	HQ11-BAF04		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
143	050611230651	Lê Nữ Châu	Minh	18/07/2005	HQ11-ACC01		X			
144	050611230654	Nguyễn HuệNh Ánh	Minh	16/08/2005	HQ11-BAF09		X			
145	050611230660	Phan Nhật	Minh	25/07/2005	HQ11-MAG05		X			
146	050611230649	Hoàng Anh Bình	Minh	24/09/2005	HQ11-BAF05		X			
147	050611230645	Đinh Phan Hiệp	Minh	14/09/2005	HQ11-BAF03		X			
148	050611230670	Hồ Bảo	My	24/09/2004	HQ11-BAF20		X			
149	050611230677	Nguyễn Ngọc Trà	My	25/08/2005	HQ11-BAF20		X			
150	050611230681	Trần Khánh	My	10/11/2005	HQ11-MAG05		X			
151	050611230673	Ngô Thị Trà	My	19/12/2003	HQ11-MAG01		X			
152	050611230680	Phan Hà	My	04/11/2005	HQ11-BAF15		X			
153	050611230712	Đỗ Nguyễn Mai	Ngân	17/08/2005	HQ11-BAF02		X			
154	050611230746	Phạm Nguyễn Ánh	Ngân	15/09/2005	HQ11-BAF01		X			
155	050611230749	Phạm Thị Kim	Ngân	21/11/2005	HQ11-BAF21		X			
156	050611230709	Đặng Huỳnh Thảo	Ngân	11/11/2005	HQ11-MAG02		X			
157	050611230789	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	03/08/2005	HQ11-ACC01		X			
158	050611230815	Trương Võ Minh	Ngọc	26/09/2005	HQ11-ACC03		X			
159	050611230773	Đặng Huỳnh Bảo	Ngọc	14/08/2005	HQ11-BAF11		X			
160	050611230783	Lê Trần Bảo	Ngọc	04/05/2005	HQ11-BAF04		X			
161	050611230792	Nguyễn Khánh	Ngọc	12/12/2005	HQ11-BAF05		X			
162	050611230800	Nguyễn Như Khánh	Ngọc	04/06/2005	HQ11-BAF08		X			
163	050611230808	Phan Bảo	Ngọc	11/03/2005	HQ11-ACC01		X			
164	050611230823	Lê Thị Khôi	Nguyên	12/03/2005	HQ11-ACC04		X			
165	050611230826	Ngô Nguyễn Hoài	Nguyên	08/02/2005	HQ11-BAF20		X			
166	050611230828	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	31/03/2005	HQ11-ACC02		X			
167	050611230832	Phạm Thị Minh	Nguyên	21/10/2005	HQ11-BAF07		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
168	050611230835	Trần Lê Hạnh	Nguyên	10/03/2005	HQ11-BAF15		X			
169	050611230843	Nguyễn Vũ Thanh	Nhàn	15/12/2005	HQ11-BAF13		X			
170	050611230848	Lê Trung	Nhân	03/01/2005	HQ11-BAF20		X			
171	050611230860	Bùi Thị Yên	Nhi	10/07/2005	HQ11-MAG01		X			
172	050611230898	Trần Ngọc Xuân	Nhi	20/02/2005	HQ11-BAF04		X			
173	050611230907	Võ Nguyễn Mẫn	Nhi	23/06/2005	HQ11-ACC05		X			
174	050611230934	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	11/07/2005	HQ11-ACC03		X			
175	050611230927	Mai Xuân	Như	07/11/2005	HQ11-MAG07		X			
176	050611230975	Nguyễn Mạnh	Phát	17/11/2005	HQ11-BAF01		X			
177	050611231000	Trần Thị Hồng	Phúc	24/05/2005	HQ11-BAF12		X			
178	050611231001	Võ Hoàng	Phúc	24/09/2005	HQ11-BAF04		X			
179	050611230992	Đặng Huỳnh Tâm	Phúc	05/09/2005	HQ11-BAF20		X			
180	050611231004	Bùi Hữu	Phước	04/11/2005	HQ11-ACC04		X			
181	050611231015	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	15/03/2005	HQ11-BAF01		X			
182	050611231034	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	09/10/2005	HQ11-BAF05		X			
183	050611231054	Nguyễn Đình	Quyền	02/08/2005	HQ11-BAF02		X			
184	050611231059	Dương Bội	Quỳnh	01/08/2005	HQ11-ACC05		X			
185	050611231075	Phạm Nhật	Quỳnh	18/11/2005	HQ11-BAF19		X			
186	050611231061	Lê Thái Bảo	Quỳnh	06/04/2005	HQ11-BAF03		X			
187	050611231081	Trịnh Xuân Như	Quỳnh	23/12/2005	HQ11-ACC04		X			
188	050611231066	Nguyễn Lê Thục	Quỳnh	28/06/2005	HQ11-BAF18				X	
189	050611231084	Nguyễn Ngọc Linh	San	15/01/2005	HQ11-BAF08		X			
190	050611231086	Trương Tấn	Sang	09/09/2005	HQ11-BAF07		X			
191	050611231093	Nguyễn Thị Mai	Sương	06/03/2005	HQ11-ACC03		X			
192	050611231103	Nguyễn Phạm Mỹ	Tâm	15/05/2005	HQ11-BAF03		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
193	050611231105	Trần Lê Thanh	Tâm	20/03/2005	HQ11-BAF01		X			
194	050611231106	Trương Minh	Tâm	04/02/2005	HQ11-BAF15		X			
195	050611231107	Lâm Nhật	Tân	26/02/2005	HQ11-BAF15		X			
196	050611231122	Trần Đức	Thắng	05/01/2005	HQ11-BAF11		X			
197	050611231145	Huỳnh Ngọc Thanh	Thảo	04/07/2005	HQ11-BAF08		X			
198	050611231162	Trần Đoàn Phương	Thảo	29/03/2005	HQ11-ACC04		X			
199	050611231152	Nguyễn Lê Phương	Thảo	25/05/2005	HQ11-BAF16		X			
200	050611231160	Phan Vũ Thanh	Thảo	22/01/2005	HQ11-BAF13		X			
201	050611231161	Trần Đăng Vy	Thảo	18/03/2005	HQ11-BAF21		X			
202	050611231175	Đới Quang	Thiên	31/10/2005	HQ11-BAF10		X			
203	050611231183	Mã Thị Kim	Thoa	14/11/2005	HQ11-MAG07		X			
204	050611231207	Lưu Thị Anh	Thư	12/01/2005	HQ11-BAF01		X			
205	050611231220	Nguyễn Minh	Thư	16/07/2005	HQ11-ACC01		X			
206	050611231247	Võ Lê	Thư	26/02/2005	HQ11-BAF10		X			
207	050611231208	Lý Minh	Thư	19/02/2005	HQ11-BAF05		X			
208	050611231211	Nguyễn Anh	Thư	05/05/2005	HQ11-BAF03		X			
209	050611231198	Huỳnh Minh	Thư	02/07/2005	HQ11-BAF01		X			
210	050611231249	Võ Phạm Anh	Thư	30/04/2005	HQ11-BAF17		X			
211	050611231214	Nguyễn Bích Anh	Thư	03/10/2005	HQ11-BAF12		X			
212	050611231228	Ông Huỳnh Ngọc	Thư	26/09/2005	HQ11-BAF15		X			
213	050611231248	Võ Ngọc Minh	Thư	08/11/2005	HQ11-BAF01		X			
214	050611231250	Vũ Minh	Thư	21/01/2005	HQ11-BAF01		X			
215	050611231251	Nguyễn An	Thuận	24/12/2005	HQ11-BAF12		X			
216	050611231255	Hoàng Thị Thanh	Thương	16/03/2005	HQ11-BAF19		X			
217	050611231270	Lê Nguyễn Phương	Thủy	25/01/2004	HQ11-BAF07		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
218	050611231299	Phan Trọng	Tín	12/12/2005	HQ11-BAF13		X			
219	050611231298	Ngô Chân	Tín	26/10/2005	HQ11-ACC01		X			
220	050611231304	Hà Minh	Toàn	23/07/2005	HQ11-BAF20		X			
221	050611231329	Võ Ngọc Bảo	Trâm	16/11/2005	HQ11-BAF04		X			
222	050611231305	Bùi Thuý	Trâm	15/09/2005	HQ11-ACC01		X			
223	050611231321	Trần Hoàng Bảo	Trâm	10/11/2005	HQ11-BAF12		X			
224	050611231349	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	29/12/2005	HQ11-BAF17		X			
225	050611231351	Nguyễn Huyền Bảo	Trân	11/05/2005	HQ11-BAF04		X			
226	050611231363	Nguyễn Vũ Huyền	Trân	06/03/2005	HQ11-MAG04		X			
227	050611231386	Lê Hoàng Huyền	Trang	27/07/2005	HQ11-BAF11		X			
228	050611231391	Mai Quỳnh	Trang	21/07/2005	HQ11-BAF14		X			
229	050611231397	Nguyễn Thị Thuý	Trang	03/08/2005	HQ11-BAF20		X			
230	050611231403	Phạm Đặng Quỳnh	Trang	26/07/2005	HQ11-BAF01		X			
231	050611231412	Phạm Đăng	Trí	13/01/2005	HQ11-BAF08		X			
232	050611231413	Trần Minh	Trí	20/02/2005	HQ11-BAF19		X			
233	050611231435	Võ Đặng Vũ	Trọng	30/10/2005	HQ11-BAF03		X			
234	050611231463	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/08/2003	HQ11-BAF04		X			
235	050611231462	Nguyễn Minh	Tú	01/12/2005	HQ11-MAG05		X			
236	050611231468	Lương Quốc	Tuấn	03/10/2005	HQ11-BAF02		X			
237	050611231474	Nguyễn Sơn	Tùng	01/12/2005	HQ11-MAG03		X			
238	050611231472	Bùi Hoàng	Tùng	02/07/2005	HQ11-MAG01		X			
239	050611231479	Nguyễn Võ Nhật	Tường	23/04/2005	HQ11-BAF08		X			
240	050611231477	Ngô Quang	Tường	04/03/2005	HQ11-BAF19		X			
241	050611231509	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	05/09/2005	HQ11-MAG01		X			
242	050611231496	Đỗ Hoàng Phương	Uyên	25/07/2005	HQ11-BAF02		X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				Ghi chú
						HUB (3/6)	IELTS	Cambridge (B1)	TOEFL (ITP)	
243	050611231531	Trần Nguyễn Thuỳ	Vân	25/04/2005	HQ11-ACC01		X			
244	050611231525	Ngô Thanh	Vân	05/06/2005	HQ11-MAG04		X			
245	050611231527	Nguyễn Hải	Vân	05/09/2005	HQ11-MAG01		X			
246	050611231533	Trần Thị Khánh	Vân	25/10/2005	HQ11-BAF19		X			
247	050611231591	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/12/2005	HQ11-ACC02		X			
248	050611231568	Hoàng Thúy	Vy	28/12/2005	HQ11-BAF09		X			
249	050611231626	Đoàn Như	Ý	29/03/2005	HQ11-BAF05		X			
250	050611231640	Phùng Thị Hải	Yến	15/09/2005	HQ11-BAF13		X			
251	050611231639	Nguyễn Lê Nguyệt	Yến	30/10/2005	HQ11-BAF05		X			

Tổng số: 251 sinh viên